TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **262**/2026/HS-ST
Ngày : 28/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Phi Yến

2. Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 237/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 02/9/2000 tại tỉnh Khánh Hòa; Căn cước công dân số: 058200006388; Nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã X, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn T và bà: Nguyễn Thị H; Vợ, con: Không có; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 13/3/2025 Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng 19 ngày tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 66/2025/HS-ST;

Nhân thân: Ngày 18/7/2025, Công an xã X, tỉnh Khánh Hòa phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC, nộp phạt ngày 23/7/2025.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: từ ngày 26/3/2026. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: D H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 06/7/2025, Nguyễn Văn D đến nhà xe Thiện Trí, số D H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh để đi xe khách về quê. Trong thời gian chờ xe, D lên tầng 1 của nhà xe để nghỉ ngơi. Tại đây, D phát hiện chị Nguyễn Thị Thu H1 (nhân viên nhà xe) đang nằm ngủ, bên cạnh để 01 điện thoại di động hiệu Oppo A60 đang cắm sạc. D nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của chị H1. Lợi dụng lúc chị H1 ngủ, D đi đến lấy điện thoại của chị H1, điều chỉnh điện thoại sang chế độ máy bay, sau đó mang xuống cất giấu vào thùng rác trong nhà vệ sinh tại tầng trệt của nhà xe, dự định khi trước khi lên xe sẽ vào lấy lại. Sau đó, D quay trở lại phòng chờ lấy hành lý đợi xe đến. Khoảng 02 giờ cùng ngày, chị H1 thức dậy phát hiện mất điện thoại, nghi ngờ D lấy điện thoại nên cùng nhân viên nhà xe hỏi D. D không thừa nhận nhưng do lo sợ bị phát hiện việc đã lấy trộm điện thoại của chị H1 nên D bỏ chạy. Nhân viên nhà xe thấy vậy nên đuổi theo giữ lại, đưa D về công an phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đến trụ sở công an phường, D đã thừa nhận đã lấy điện thoại của chị H1 giấu vào thùng rác trong nhà vệ sinh như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 9453/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp thành phố, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A60, dung lượng 256GB đã qua sử dụng có giá 3.880.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm đối với D.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A60, màu xanh, dung lượng 256GB - là tài sản bị chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho bị hại chị Nguyễn Thị Thu H1.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS.KV4 ngày 23 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm"; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn", đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A60 màu xanh dung lượng 256GB, trị giá 3.880.000 đồng của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H1, đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị nhưng do tư lợi cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù của thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là "Tái phạm", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Thu H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TTG Chí Hòa-PTTG Bình Thới;
- Cơ quan CSĐTCATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Hiếu Hạnh